

Số: 186 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 08 tháng 8 năm 2018

BÁO CÁO

Giải trình các chỉ tiêu sử dụng đất rừng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020)

Thực hiện Thông báo số 132/TB-VPCP ngày 05/4/2018 của Văn phòng Chính phủ về kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại cuộc họp Thường trực Chính phủ về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của các địa phương; Thông báo kết luận số 54/TB-BTNMT ngày 08/5/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về kết quả cuộc họp rà soát chỉ tiêu sử dụng đất rừng chưa phù hợp với chỉ tiêu quốc gia phân bổ trong phương án Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Báo cáo số 2320/BC-SNNPTNT ngày 31/7/2018 về việc giải trình các chỉ tiêu sử dụng đất rừng tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020), UBND tỉnh Quảng Ngãi báo cáo giải trình một số nội dung như sau:

1. Chỉ tiêu sử dụng đất, rừng tại phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Quảng Ngãi chưa phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất cấp quốc gia

DVT: Ha

Chỉ tiêu sử dụng đất	Đơn vị tính	Chỉ tiêu quốc gia phân bổ tại CV 1927/TTg	Chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch kỳ cuối (2016- 2020)	Tăng (+), giảm (-)
Tổng cộng	Ha	296.060	285.273,58	-10.786,42
Đất rừng phòng hộ	Ha	130.450	126.183,82	-4.266,18
Đất rừng sản xuất	Ha	165.610	159.089,76	-6.520,24

2. Giải trình nguyên nhân chỉ tiêu điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất rừng đến 2020 của tỉnh Quảng Ngãi giảm so với chỉ tiêu quốc gia phân bổ

a) Về chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ tại Công văn số 1927/TTg-KTN ngày 02/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở kết quả rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng tỉnh Quảng Ngãi được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 871/QĐ-UBND ngày 23/4/2007 với tổng diện tích đất quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp: 296.060 ha; trong đó, đất rừng phòng hộ: 130.450 ha, đất rừng sản xuất; 165.610 ha, số liệu này chưa được cập nhật

kết quả rà soát lại 3 loại rừng tại Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi.

Trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch 03 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2007-2014 có nhiều điểm bất cập, tồn tại nên việc tổ chức triển khai Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng gặp nhiều khó khăn vướng mắc. Vì vậy, UBND tỉnh đã thống nhất cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiến hành rà soát và điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 03 loại rừng tại Công văn số 2850/UBND ngày 21/8/2012 để phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Trên cơ sở góp ý của các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Công văn số 8390/BNN-TCLN ngày 17/10/2014; Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Công văn số 450/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 10/02/2015, UBND tỉnh đã chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện hồ sơ quy hoạch, trình HĐND tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 33/2015/NQ-HĐND ngày 14/12/2015 về việc sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại Điều 1 Nghị quyết số 18/2012/NQ-HĐND ngày 12/10/2012 của HĐND tỉnh về việc thông qua Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2011-2020. Trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 phê duyệt kết quả Rà soát, điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, với tổng diện tích đất quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp: 285.273,58 ha. Trong đó, đất rừng phòng hộ: **126.183,82 ha** (*thấp hơn chỉ tiêu Chính phủ giao tại Công văn số 1927/TTg-KTN ngày 02/11/2016 là 4.266,18 ha*); đất rừng sản xuất: **159.089,76 ha** (*thấp hơn chỉ tiêu Chính phủ giao tại Công văn số 1927/TTg-KTN ngày 02/11/2016 là 6.520,24 ha*).

b) Nguyên nhân:

b1) Nguyên nhân theo tính toán theo Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015

Kết quả rà soát, quy hoạch mới tại Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh đã điều chỉnh, khắc phục những điểm bất hợp lý, không phù hợp với thực tế của quy hoạch tại Quyết định số 871/QĐ-UBND ngày 23/4/2007 của UBND tỉnh; trong đó:

- Việc tổ chức lập quy hoạch trước đây sử dụng phương pháp khoan vẽ, tính diện tích bằng thủ công (phương pháp tính diện tích bằng giấy kẻ ly ô vuông hoặc sử dụng máy cầu tích) nên có sự sai lệch lớn (giảm khoảng 1.290 ha).

- Ranh giới quy hoạch rừng sản xuất, rừng phòng hộ trước đây chồng lấn lên đất ở, đất phi nông nghiệp, đất nông nghiệp đã được cấp GCNQSD đất cho hộ gia đình, cá nhân (giảm khoảng 2.000 ha tập trung ở các xã: Bình Trị, Bình Hải, Bình Khương, Bình Mỹ, Bình Thanh Tây, huyện Bình Sơn; các xã: Sơn Ba, Sơn Bao, Sơn Hạ, Sơn Thành, huyện Sơn Hà; các xã: Sơn Dung, Sơn Long, Sơn Bua, huyện Sơn Tây; xã Ba Bích, huyện Ba Tơ; xã

Tỉnh Ân Đông, huyện Sơn Tịnh; xã Trà Phong, huyện Tây Trà).

- Đất chuyển đổi để xây dựng các công trình đã được Chính phủ thống nhất là 2.960 ha gồm: Khu kinh tế Dung Quất (diện tích 980 ha), Khu công nghiệp - đô thị - dịch vụ VSIP Quảng Ngãi và các công trình khác phục vụ kinh tế, xã hội trên địa bàn toàn tỉnh (diện tích 480 ha), Đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi (diện tích 40 ha), lòng hồ thủy điện ĐăkĐrinh, thủy điện Sơn Trà và thủy điện ĐăkRe (diện tích 250 ha), đường giao thông nông thôn trên địa bàn các xã trong tỉnh (diện tích 1.210 ha). Diện tích này chưa được cập nhật vào trong số liệu chỉ tiêu quốc gia tại Công văn số 1927/TTg-KTN ngày 02/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ.

- Giải quyết bất cập về nhu cầu sử dụng đất canh tác nông nghiệp và tình hình phát triển kinh tế- xã hội (giảm khoảng 4.550 ha); đất núi đá không có cây và đất sông suối là 36,42 ha.

Hầu hết diện tích này gần dân cư, gần đường giao thông, có độ dốc thấp (dưới 25⁰) phù hợp với sản xuất nông nghiệp nên cần thiết phải chuyển đổi để tạo quỹ đất sản xuất cho dân.

Trên cơ sở Quyết định số 2480/QĐ-UBND ngày 31/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh, năm 2016 Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức thực hiện Kiểm kê rừng và được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 09/01/2017, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 607/QĐ-BNN-TCLN ngày 03/3/2017 với tổng diện tích quy hoạch cho lâm nghiệp: **285.282,09 ha**. Trong đó, đất rừng phòng hộ: **126.337,68 ha**, đất rừng sản xuất: **158.944,41 ha**; đồng thời diện tích 3 loại rừng năm 2017 tỉnh Quảng Ngãi được Bộ Nông nghiệp và PTNT chấp thuận và công bố tại Quyết định số 1187/QĐ-BNN-TCLN về việc công bố hiện trạng rừng toàn quốc năm 2017.

(Chi tiết có các Báo cáo số 22/BC-UBND ngày 09/02/2018 và số 103/BC-UBND ngày 30/5/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi kèm theo).

b2) Nguyên nhân theo tính toán lại trên nền bản đồ kiểm kê rừng:

Tổng diện tích chuyển đổi ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng: 15.096,5 ha

(Chi tiết có biểu tổng hợp 1, 2 kèm theo)

- *Phân theo nhóm nguyên nhân chuyển đổi:*

+ Cập nhật ranh giới thửa đất đã giao cho hộ gia đình, cá nhân theo kết quả giao đất của ngành Tài nguyên và Môi trường: 2.287,7 ha;

- Giải quyết bất cập về nhu cầu sử dụng đất canh tác nông nghiệp và tình hình phát triển kinh tế- xã hội: 9.940,83 ha.

Hầu hết diện tích này gần dân cư, gần đường giao thông, có độ dốc thấp (dưới 25⁰) phù hợp với sản xuất nông nghiệp nên cần thiết phải chuyển đổi để tạo quỹ đất sản xuất cho dân.

+ Cập nhật bổ sung các chương trình, dự án được phê duyệt mà chưa cập nhật vào chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia tại Công văn 1927/TTg-KTN của

Thủ tướng Chính phủ (đường giao thông, quy hoạch nông thôn mới, khu công nghiệp...): 2.868,0 ha.

- Hiện trạng rừng và đất chuyển đổi

Theo kết quả theo dõi diễn biến tài nguyên rừng năm 2017 và kết quả điều tra, rà soát hiện trạng rừng và đất lâm nghiệp thực hiện dự án rà soát, chuyển đổi đất, rừng phòng hộ ít xung yếu chuyển sang quy hoạch rừng sản xuất và điều chỉnh, bổ sung quy hoạch 3 loại rừng trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, hiện trạng sử dụng diện tích đất chuyển đổi như sau:

* Diện tích trong quy hoạch 3 loại rừng chuyển ra ngoài 3 loại rừng: 15.096,5 ha

- + Đất hiện có rừng tự nhiên: 614,1 ha
- + Đất hiện có rừng trồng: 9.310,6 ha
- + Đất trồng và có cây nông nghiệp: 5.172,0 ha

Trong đó:

- Diện tích quy hoạch phòng hộ chuyển ra ngoài 3 loại rừng: 1.651,7 ha

- + Đất hiện có rừng tự nhiên: 102,2 ha
- + Đất hiện có rừng trồng: 664,7 ha
- + Đất trồng và có cây nông nghiệp: 884,8 ha

- Diện tích quy hoạch sản xuất chuyển ra ngoài 3 loại rừng: 13.444,8 ha

- + Đất hiện có rừng tự nhiên: 511,9 ha
- + Đất hiện có rừng trồng: 8.645,9 ha
- + Đất trồng và có cây nông nghiệp: 4.287,2 ha

Diện tích rừng tự nhiên nêu trên chủ yếu là rừng nghèo, nghèo kiệt được phục hồi sau nương rẫy và đã giao đất cho nhân dân sản xuất.

(Có biểu tổng hợp số 01 và 02 kèm theo)

* Trong quá trình rà soát, quy hoạch lại thực tế trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2020-2025, dự kiến chuyển từ ngoài quy hoạch phát triển rừng vào trong quy hoạch phát triển rừng khoảng **1.468,55 ha** rừng tự nhiên (**trong đó bao gồm 614,1 ha rừng tự nhiên từ quy hoạch phát triển lâm nghiệp đã chuyển ra ngoài 3 loại rừng theo Quyết định số 2480**) để rừng có chức năng (Đặc dụng, phòng hộ, sản xuất) tham chiếu tại khoản c, Điều 10 của Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 để làm cơ sở lập thủ tục giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư quản lý, bảo vệ và phát triển rừng theo quy định pháp luật.

Như vậy, diện tích đất, rừng phòng hộ giảm 4.266,18 ha và đất, rừng sản xuất giảm 6.520,24 ha so với chỉ tiêu sử dụng đất phân bổ tại Công văn số 1927/TTg-KTN ngày 02/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ là do rà soát,

điều chỉnh lại những điểm bất hợp lý của quy hoạch trước (Quyết định 871/QĐ-UBND ngày 23/4/2007) cho phù hợp với thực tế của địa phương; chủ yếu là điều chỉnh, chuyển đổi diện tích đất quy hoạch chưa có rừng người dân hiện đang sản xuất ra ngoài quy hoạch 3 loại rừng để giao đất cho nhân dân sản xuất nông nghiệp và trồng cây lâu năm khác, đồng thời không làm ảnh hưởng đến diện tích rừng tự nhiên trên địa bàn tỉnh.

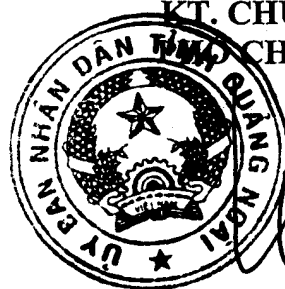
Trên đây là báo cáo giải trình về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và chỉ tiêu sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) trên địa bàn tỉnh. UBND tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT xem xét có văn bản thống nhất chỉ tiêu sử dụng đất đất đến năm 2020 và chỉ tiêu sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) tỉnh Quảng Ngãi là **285.282,09** ha (đất rừng phòng hộ: **126.337,68** ha, đất rừng sản xuất: **158.944,41** ha) làm cơ sở Bộ Tài nguyên và Môi trường trình Chính phủ điều chỉnh./.

Nơi nhận:

- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài nguyên và Môi trường;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Tổng cục Quản Lý đất đai, Tổng cục Lâm nghiệp;
- Cục Kiểm lâm;
- Các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), CB-TH;
- Lưu: VT, NNTNak689.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
CHỦ TỊCH



Nguyễn Tăng Bính



**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH CHUYỂN ĐỔI TỪ PHÒNG HỘ RA NGOÀI 3 LOẠI RỪNG
THEO NGUYÊN NHÂN VÀ TRẠNG THÁI RỪNG**

theo Báo cáo số 186 /BC-UBND ngày 08/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi

ĐVT: Ha

TT	Huyện/Xã	Cộng				Cập nhật RG thừa đất (1)				Giải quyết bất cập QH trước (2,4)				Cập nhật QH dự án (3)			
		Cộng	RTN	RT	ĐT	Cộng	RTN	RT	ĐT	Cộng	RTN	RT	ĐT	Cộng	RTN	RT	ĐT
	Tổng tỉnh	1.651,7	102,2	664,7	884,8	176,5	56,6	47,6	72,3	1.182,83	44,66	475,45	662,72	292,4	0,9	141,7	149,8
1	Ba Tơ	162,3	30,0	88,2	44,1	104,9	28,1	34,5	42,3	57,42	1,90	53,66	1,86	0,0			
2	Bình Sơn	306,0	0,0	247,3	58,6	1,4		1,4		207,87	0,00	162,85	45,02	96,7		83,0	13,6
3	Đức Phổ	35,5	0,0	19,6	15,9	4,2		4,2		0,00	0,00	0,00	0,00	31,3		15,4	15,9
4	Minh Long	39,7	0,0	38,0	1,7	0,0		0,0		22,88	0,00	21,22	1,66	16,8		16,8	
5	Mộ Đức	7,7	0,0	5,2	2,5	2,0			2,0	0,00	0,00	0,00	0,00	5,7		5,2	0,5
6	Sơn Hà	226,6	14,5	30,2	181,8	36,4	12,7	5,8	18,0	119,98	1,64	23,07	95,27	70,2	0,2	1,4	68,6
7	Sơn Tây	563,4	34,7	168,0	360,7	8,6		0,6	8,1	540,25	34,72	167,27	338,26	14,6		0,1	14,4
8	Sơn Tịnh	51,7	0,0	17,6	34,1	0,0				8,72	0,00	2,46	6,26	43,0		15,2	27,8
9	Tây Trà	152,2	0,3	16,5	135,4	0,5		0,4	0,1	151,72	0,33	16,08	135,31	0,0			
10	Trà Bồng	102,2	22,5	29,7	50,0	18,4	15,8	0,6	2,0	69,50	6,07	24,35	39,08	14,3	0,7	4,7	9,0
11	Tư Nghĩa	4,5	0,0	4,5	0,0	0,0				4,49	0,00	4,49	0,00	0,0			



**TỔNG HỢP DIỆN TÍCH CHUYỂN ĐỔI TỪ SẢN XUẤT RA NGOÀI 3 LOẠI RỪNG
THEO NGUYÊN NHÂN VÀ TRẠNG THÁI RỪNG**

Kèm theo Báo cáo số 186 /BC-UBND ngày 08/8/2018 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

DVT: Ha

TT	Huyện/xã	Công				Cập nhật RG thừa đất (1)				Giải quyết bất cập QH trước (2,4)				Cập nhật QH dự án (3)			
		Công	RTN	RT	ĐT	Công	RTN	RT	ĐT	Công	RTN	RT	ĐT	Công	RTN	RT	ĐT
1	Ba Tơ	3.222,6	19,0	2.035,6	1.168,1	1.982,2	19,0	1.045,6	917,7	1.240,40	0,00	990,00	250,40	0,0	0,0	0,0	0,0
2	Bình Sơn	2.449,6	0,0	1.321,1	1.128,5	16,1	0,0	7,3	8,8	1.182,10	0,00	547,10	634,90	1.251,4	0,0	766,7	484,8
3	Đức Phổ	404,3	0,0	308,1	96,2	78,4	0,0	64,0	14,4	0,00	0,00	0,00	0,00	325,9	0,0	244,1	81,8
4	Minh Long	161,5	0,0	86,6	74,9	1,5	0,0	0,0	1,5	160,00	0,00	86,60	73,40	0,0	0,0	0,0	0,0
5	Mộ Đức	184,7	4,4	131,2	49,1	8,7	4,4	2,4	1,8	0,00	0,00	0,00	0,00	176,0	0,0	128,8	47,3
6	Sơn Hà	1.130,6	0,0	970,3	160,2	0,0	0,0	0,0	0,0	1.130,60	0,00	970,30	160,20	0,0	0,0	0,0	0,0
7	Sơn Tây	3.382,7	403,3	1.957,9	1.021,5	0,0	0,0	0,0	0,0	3.382,70	403,30	1.957,90	1.021,50	0,0	0,0	0,0	0,0
8	Sơn Tịnh	681,3	13,3	543,7	124,2	0,0	0,0	0,0	0,0	102,00	0,00	86,80	15,10	579,3	13,3	456,9	109,1
9	Tây Trà	800,7	8,4	530,9	261,4	0,0	0,0	0,0	0,0	690,50	8,40	433,70	248,50	110,2	0,0	97,2	12,9
10	Tư Nghĩa	41,9	0,0	6,0	35,9	0,0	0,0	0,0	0,0	0,00	0,00	0,00	0,00	41,9	0,0	6,0	35,9
11	Trà Bồng	984,9	63,5	754,5	167,2	24,3	0,0	13,9	10,4	869,70	63,50	684,30	122,20	90,9	0,0	56,3	34,6
	Tổng cộng	13.444,8	511,9	8.645,9	4.287,2	2.111,2	23,4	1.133,2	954,6	8.758,00	475,20	5.756,70	2.526,20	2.575,6	13,3	1.756,0	806,4